TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT
Ngày: 06-4-2018
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: 1- Ông Nguyễn Khánh Hùng.

2- Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 207 ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1976, theo văn bản ủy quyền ngày 12-02-2018. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Bà Trịnh Ngọc V, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Việt Th, Luật sư của Văn phòng Luật sư Việt Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Huỳnh Văn V2, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. ***Người làm chứng***:

4.1- Ông NLC1. (có mặt)

Địa chỉ: Số 208 ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4.2- Ông NLC2. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 211 ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4.3- Ông NLC3. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 251 ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. ***Người kháng cáo***: Bị đơn bà Trịnh Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ông C có một phần đất thổ cư tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc đất là của cụ Mai Văn Tây và cụ Nguyễn Thị Kích (cha mẹ vợ ông C) cho vào năm 1976. Đến ngày 11 tháng 12 năm 1992, ông C được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích là 1.230m^2, thuộc thửa số 700, tờ bản đồ số 07. Phần đất trên ông C đã sử dụng từ năm 1976 cho đến nay. Giáp với thửa đất số 700 của ông C là đất của bà Trịnh Ngọc V. Vào khoảng tháng 9 năm 2009, bà V đã xây dựng nhà lấn qua phần đất thửa số 700 của ông C, chiều ngang 0,5m, chiều dài 09m, diện tích 4,5m^2. Sự việc đã được chính quyền địa phương xã P, huyện M hòa giải nhưng không thành. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì diện tích đất lấn chiếm không nằm trong phần xây dựng nhà của bà V, thực tế chỉ còn 1,96 m^2. Ông C thống nhất với kết quả đo đạc này.

Nay ông C yêu cầu bà V trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 1,96m^2, thuộc thửa số 700, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn bà Trịnh Ngọc V trình bày:*

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C. Phần đất tranh chấp là thuộc thửa đất của bà, tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, giáp với đất của ông C. Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Bình (đã chết), ông Bình chuyển nhượng lại cho ông Vũ Tấn Tài, bà không biết hiện nay ông Tài đang ở đâu, sau đó ông Tài không sử dụng nên chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà vào ngày 16 tháng 8 năm 2009, với giá 10.000.000 đồng. Chồng bà tên là Huỳnh Văn V2. Hai bên không có đến chính quyền địa phương làm thủ tục chuyển nhượng nhưng có viết giấy tay, bên mua là chồng bà, còn bên sang là ông Tài. Lúc chuyển nhượng, hai bên cũng không có đo đạc nên bà không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu m^2, chỉ biết chiều dài từ mé lộ đal xuống tới mé sông Mỹ Phước là 04m. Cũng trong năm 2009, bà bồi đắp thêm 05m nên chiều dài tổng cộng là 09m và bà làm bờ kè trên phần đất này. Lúc đó, ông C có ra chỉ ranh và bà có cặm trụ đá làm ranh. Hiện nay trụ đá vẫn còn. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà có đi đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được, vì toàn bộ phần đất bà nhận chuyển nhượng của ông Tài nằm cặp mé sông. Vì vậy, đến nay phần đất này bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến

tháng 02 năm 2010, bà cất nhà ở trên phần đất này. Bà không có lấn chiếm qua phần đất của ông C. Phần đất tranh chấp hiện nay do vợ chồng bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngoài ra, không còn ai khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V2 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà V. Vợ chồng ông không có lấn chiếm đất của ông C nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 đã quyết định như sau: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Buộc bị đơn bà Trịnh Ngọc V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V2 trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 1,96m^2, thuộc thửa số 700, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có tuyên tứ cận kèm theo).

Buộc bị đơn bà Trịnh Ngọc V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V2 tháo dỡ đồng hồ nước và cắt bỏ đầu sông nhà nằm trong diện tích đất lấn chiếm nêu trên để trả lại đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-11-2017, bị đơn bà Trịnh Ngọc V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, chưa xem xét toàn diện, thửa đất số 700 của ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11-12-1992 diện tích 1.230m^2, qua đo đạc ngày 26-10-2016 và ngày 17-02-2017 thì tổng diện tích hộ ông C sử dụng là 1.315,5m^2 (chưa tính diện tích tranh chấp 1,96m^2) là dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, Tòa án buộc bà trả đất là vô lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: thống nhất với bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại đơn khởi kiện ông C yêu cầu bà V trả 4,5m^2 đất trong tổng diện tích 1.230m^2 đất thuộc thửa 700, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tại biên bản xem xét thẩm

định tại chỗ thì thửa đất số 700 nêu trên có diện tích thực tế là 1.315,5m^2 chưa tính phần đất tranh chấp. Như vậy đất ông C đang sử dụng có diện tích lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C được cấp. Tại Công văn số 388 của Ủy ban nhân dân huyện M xác định Ủy ban nhân dân không có cơ sở cung cấp thông tin diện tích tranh chấp có nằm trong thửa 700 hay không do thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là cấp đại trà. Do đó nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm đất là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V, bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người làm chứng *ông NLC2, ông NLC3* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại và cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Ngọc V cho rằng thửa đất số 700 hiện ông Nguyễn Văn C đang sử dụng là dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà trả diện tích 1,96m^2 là chưa xem xét toàn diện vụ án, từ đó quyết định không đúng, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà.

[3] Phần đất tranh chấp diện tích 1,96m^2 trên hiện bà Trịnh Ngọc V đang sử dụng, trên không đất có đầu sông nhà, mái tol nhà bà V. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C cho rằng diện tích đất trên của ông thuộc thửa đất số 700, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11 tháng 12 năm 1992. Ông căn cứ vào quyền sử dụng đất và ranh là con mương để đòi lại phần đất tranh chấp.

[4] Xét thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện cung cấp chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông ngày 11-12-1992 (bút lục 21). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện M cũng đã xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là cấp đại trà không có đo đạc thực tế và Ủy ban huyện không có cơ sở để cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân huyện về diện tích 1,96m^2 có nằm trong thửa 700 hay không (bút lục số 132). Trong khi thửa đất số 700 của nguyên đơn được cấp theo giấy chứng nhận với diện tích là 1.230m^2, nhưng qua đo đạc thực tế hiện nguyên đơn sử dụng diện tích đến 1.315,5m^2 (bút lục số 82) chưa tính diện tích đất tranh chấp 1,96m^2 là thừa so với giấy chứng nhận được cấp. Nên việc nguyên đơn chỉ căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đại trà như trên cho rằng diện tích 1,96m^2 thuộc thửa đất số 700 của nguyên đơn do bị đơn lấn chiếm là không có cơ sở.

[5] Xét lời khai của những người làm chứng là ông NLC1, ông NLC2, ông NLC3 cho rằng phần tranh chấp là bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn (bút lục số 146-

156). Nhận thấy, những người làm chứng trên cũng chỉ trình bày miệng mà hoàn toàn không có cơ sở nào để kết luận diện tích đất tranh chấp là thuộc thửa đất số 700 của nguyên đơn, hiện bị đơn lấn chiếm. Do thời điểm bị đơn nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Tấn Tài năm 2009 thì không có đo đạc chỉ ranh gấp cụ thể nên không thể xác định được ranh.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng ông NLC1 khai là ông không có căn cứ nào chứng minh ranh đất khi gia đình ông chuyển nhượng đất cho ông Tài, vì khi chuyển nhượng đất cho ông Tài không có chỉ ranh cụ thể chỉ nói là ranh là con mương chạy thẳng ra sông, cây dừa hiện tại là của gia đình ông trước đây trồng làm ranh, cặp cây dừa là đường mương nước, nhưng hiện nay đường mương nước đã bị san lấp không còn, việc ông khai tại tòa phần đất bà V lấn ranh đất của ông C là do ý chí chủ quan của ông vì hiện trạng ranh đất đã có sự thay đổi, mương nước đã không còn. Tuy nhiên, xét về quá trình sử dụng đất thực tế thì thấy khi bị đơn bà V nhận chuyển nhượng thửa đất này của ông Tài từ năm 2009 thì bà V đã cất nhà cấp 4 kiên cố, có xây dựng trên không phần đất này đầu sông nhà nhưng thời điểm đó nguyên đơn không có phản đối, không có ý kiến gì (bút lục số 37). Như vậy, thời điểm đó nguyên đơn cũng đã thống nhất ranh, không phát sinh tranh chấp nên bị đơn mới xây dựng nhà được.

[7] Hiện nay phần đất bị đơn đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ vào thực tế sử dụng hiện nay nhận thấy diện tích đất tranh chấp 1,96m^2 trên hiện gia đình bị đơn đang sử dụng. Trên phần đất này vẫn còn một đường gạch ống cũ xây dựng chạy dài từ mé lộ dal cho đến cặp sông Mỹ Phước do phía bị đơn xây và vẫn còn có một cọc xi măng (đã gãy nhưng vẫn còn móng) do nguyên đơn cặm; phía ngang lộ dal có cặm trụ đá vào năm 2015, theo xác nhận của người đại diện hợp pháp của ông C và người làm chứng ông NLC1 và trình bày của bà V thì trụ đá này do phía ông C cặm để xác định lại ranh khi các bên tranh chấp, từ trụ đá này kéo thẳng là gốc cây dừa, từ trụ đá này kéo thẳng về phía lộ dal (đường bê tông) qua phần nhà của bà V là trùng với hàng gạch ống do bị đơn xây và móng cột xi măng cũ là hoàn toàn phù hợp với ranh đất thực tế hai bên gia đình sử dụng từ trước đến nay.

[8] Đối với trụ đá cặm năm 2016 là do đoàn đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng đo đạc bằng máy và phía nguyên đơn tự cặm trụ đá nhưng chưa có sự thống nhất với phía bị đơn, nếu từ trụ đá này kéo thẳng qua lộ dal (đường bê tông) thì ảnh hưởng đến vách tường nhà của bà V, trong khi từ lúc bà V xây dựng nhà đến năm 2015 không tranh chấp, đến ngày 06/12/2015 nảy sinh tranh chấp do hai bên gia đình có mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói.

[9] Đối với phần đầu sông nhà của bà V, quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thả con dội (thả lập lòn) thì đầu sông nhà của bà V trùng với hàng gạch ống phía dưới.

[10] Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn đi khởi kiện phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp trên là của nguyên đơn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Nhưng nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh đất trên là của nguyên đơn, nên không đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 1,96m^2 là thuộc thửa đất số 700 của nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận ngày 11-12-1992, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đại trà để cho rằng diện tích 1,96m^2 trên thuộc thửa đất số 700 nêu trên của nguyên đơn và buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn, đồng thời tháo dỡ

đầu sông nhà trên đất trên là chưa có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở; đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận như đã phân tích.

[12] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp.

[13] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Trịnh Ngọc V không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 309, Khoản 2 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Ngọc V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bị đơn bà Trịnh Ngọc V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V2 trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 1,96m^2, thuộc thửa số 700, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà Trịnh Ngọc V có số đo 8,25m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C có số đo 6,94m;

+ Hướng Nam giáp sông Mỹ Phước có số đo 0,25m;

+ Hướng Bắc giáp đường bê tông (lộ đal) có số đo 0,32m.

(có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 009433 ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá giai đoạn sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền 5.234.000 đồng (năm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Do ông Nguyễn Văn C đã nộp ứng trước số tiền 5.234.000 đồng (năm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng) nên ông C đã thực hiện xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá sơ thẩm.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trịnh Ngọc V không phải chịu. Hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007301 ngày 6-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3/. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền 990.000đ (chín trăm chín mươi ngàn đồng), do bà Trịnh Ngọc V đã nộp trước số tiền 990.000đ (chín trăm chín mươi ngàn đồng) nên ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trịnh Ngọc V số tiền 990.000 đồng (chín trăm chín mươi ngàn đồng).

4/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA.DS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tăng Thị Thúy Nga